TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **261/**2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 08/7/2024.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa;

2. Ông Châu Văn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô T2 Khánh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số 148A KP 5, phường 10, T2 phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp ĐN, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T2, sinh năm 1958;

Địa chỉ: số 148A KP 5, phường 10, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị T1 và anh H có mặt, bà T2 có đơn đề nghị vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh H tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh H ăn chơi, cờ bạc, không lo cho vợ con. Chị đã nhiều lần cho anh H cơ hội nhưng không hàn gắn được. Anh chị không còn sống chung từ năm 2023. Nay không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/8/2018 hiện đang sống với chị T1 và bà ngoại. Khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đã sống với chị và bà ngoại từ nhỏ, còn anh H còn phải chăm sóc con riêng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Minh H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T1 về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh chơi cờ bạc, nhưng hiện nay anh đã bỏ và tu chí làm ăn. Anh cố gắng hàn gắn với vợ nhiều lần nhưng chị T1 không tạo cơ hội. Anh chị không còn sống chung từ 01 năm nay. Anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/8/2018 hiện đang sống với bà ngoại. Trong trường hợp ly hôn anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh có một con riêng, nhưng cháu đã trưởng thành, không ảnh hưởng anh chăm sóc cháu N.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 trình bày:*

Bà là mẹ ruột của chị T1, bà ngoại của cháu N. Từ khi cháu N sinh ra đã ở với bà và chị T1. Bà phụ chị T1 chăm sóc, đưa rước cháu N đi học.

* Tại phiên tòa, chị T1 vẫn cương quyết xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, anh H giữ nguyên lời trình bày của mình. Bà T2 có đơn đề nghị vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn và được nuôi con chung của chị T1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T1 yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H cư trú tại ấp ĐN, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh H cưới nhau năm 2012, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 10, T2 phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T1 xin ly hôn với anh H với lý do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh H ăn chơi, cờ bạc, không lo cho vợ con. Chị đã nhiều lần cho anh H cơ hội nhưng không hàn gắn được nên anh chị không còn sống chung từ năm 2023. Tại phiên tòa chị T1 vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H. Anh H thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn do anh chơi cờ bạc, nhưng hiện nay anh đã bỏ và tu chí làm ăn. Anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh H không đưa ra được biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh H là có thật, đã trầm trọng và không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu Lê Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/8/2018. Anh H cũng yêu cầu được nuôi cháu N. Xét yêu cầu được nuôi con của chị T1 là có cơ sở, vì cháu N là con gái, đang sống với chị T1 đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T1.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 được ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: Giao cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/8/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007505 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị đã nộp xong.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên